



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	15 - 40
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

<u>Lần thay đổi</u>	<u>Ngày tháng</u>
Thay đổi lần thứ 1	Ngày 19 tháng 5 năm 2008
Thay đổi lần thứ 2	Ngày 12 tháng 6 năm 2009
Thay đổi lần thứ 3	Ngày 05 tháng 12 năm 2009
Thay đổi lần thứ 4	Ngày 19 tháng 8 năm 2010
Thay đổi lần thứ 5	Ngày 30 tháng 7 năm 2011
Thay đổi lần thứ 6	Ngày 25 tháng 10 năm 2011
Thay đổi lần thứ 7	Ngày 20 tháng 7 năm 2012
Thay đổi lần thứ 8	Ngày 02 tháng 03 năm 2013
Thay đổi lần thứ 9	Ngày 04 tháng 07 năm 2013
Thay đổi lần thứ 10	Ngày 07 tháng 01 năm 2014
Thay đổi lần thứ 11	Ngày 17 tháng 7 năm 2014

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44
Cộng	145.996.140.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV4.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
- Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 115/2014/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức 3% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013. Thực hiện Nghị quyết trên, trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 là 4.360.527.300 VND và tạm ứng cổ tức năm 2014 là 7.267.545.500 VND.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Văn Thọ	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Vũ Thành Danh	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012	-
Ông Phạm Ngọc Sơn A	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 06 năm 2013	-
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012	-
Ông Vũ Thành Danh	Kế toán trưởng	16 tháng 8 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 036/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Đơn vị có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1



Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2013-008-1

Nha Trang, ngày 28 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.137.748.064	133.538.384.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.619.889.296	4.166.428.330
1. Tiền	111		7.819.889.296	4.166.428.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.139.598.777	115.053.459.330
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	98.352.616.678	127.042.235.617
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.319.577.112	5.505.929.961
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	287.696.671	127.222.919
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(14.820.291.684)	(17.621.929.167)
IV. Hàng tồn kho	140		14.593.241.017	12.401.202.367
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.593.241.017	12.401.202.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.785.018.974	1.917.294.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	5.127.927	37.937.527
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	316.602.671
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.779.891.047	1.562.754.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.478.658.339	131.964.684.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.012.336.984	2.379.832.818
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	2.012.336.984	2.379.832.818
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.097.069.955	23.877.998.987
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.708.091.151	8.169.779.358
<i>Nguyên giá</i>	222		30.292.582.135	29.635.343.953
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.584.490.984)	(21.465.564.595)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.388.978.804	15.708.219.629
<i>Nguyên giá</i>	228		18.762.715.255	18.665.015.255
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.373.736.451)	(2.956.795.626)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		106.400.000.000	104.966.118.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	103.850.000.000	102.416.118.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.550.000.000	2.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		969.251.400	740.734.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	889.251.400	650.734.545
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	80.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.616.406.403	265.503.068.729

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		93.232.982.499	102.827.565.699
I. Nợ ngắn hạn	310		85.837.435.317	92.494.955.201
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	4.950.399.000	17.729.680.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	7.351.021.754	8.593.540.677
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	27.804.540.735	16.259.635.907
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	5.295.745.360	3.268.750.179
5. Phải trả người lao động	315	V.20	12.560.181.688	15.922.814.435
6. Chi phí phải trả	316	V.21	842.760.000	8.699.754.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	19.684.332.818	14.556.255.041
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	7.348.453.962	7.464.524.962
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.395.547.182	10.332.610.498
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	7.395.547.182	10.332.610.498
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.383.423.904	162.675.503.030
I. Vốn chủ sở hữu	410		173.383.423.904	162.675.503.030
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	145.996.140.000	145.996.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	(15.784.110.000)	(15.784.110.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(745.850.060)	(745.850.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	20.166.292.154	20.166.292.154
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	6.586.968.453	6.586.968.453
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.721.694.867	1.721.694.867
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	15.442.288.490	4.734.367.616
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.616.406.403	265.503.068.729

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.838.261.683	-
5. Ngoại tệ các loại		378,49	314,70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.546.785.133	105.158.156.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	120.546.785.133	105.158.156.209
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.250.512.134	66.414.722.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.296.272.999	38.743.433.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.714.245.834	157.697.170
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	908.337.802	4.735.719.396
Trong đó: chi phí lãi vay	23		849.232.116	4.277.775.599
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	-	12.800.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.072.480.239	27.388.913.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.029.700.792	6.763.697.787
11. Thu nhập khác	31	VI.7	218.707.636	335.588.500
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.165.400	57.171.983
13. Lợi nhuận khác	40		212.542.236	278.416.517
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.242.243.028	7.042.114.304
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.906.249.354	2.455.137.423
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>22.335.993.674</u>	<u>4.586.976.881</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.537</u>	<u>443</u>

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu



Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.242.243.028	7.042.114.304
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	1.599.347.214	1.853.335.228
- Các khoản dự phòng	03	V.5	1.036.624.200	9.543.510.692
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(9.122.332)	8.408.299
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(15.640.600.378)	(122.728.171)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	849.232.116	4.277.775.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.077.723.848	22.602.415.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.354.745.059	13.823.930.693
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(2.192.038.650)	(5.035.087.218)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.582.612.999)	(31.693.076.045)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7, V.14	(205.707.255)	(150.227.007)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(295.934.343)	(226.484.721)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(1.039.789.614)	(6.992.406.338)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		95.000.000	7.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(201.071.000)	(366.493.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.010.315.046	(8.030.428.659)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11	(818.418.182)	(111.393.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	8.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12	(1.433.882.000)	(11.321.574.014)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	15.632.145.833	122.728.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.388.300.196	(11.310.239.479)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

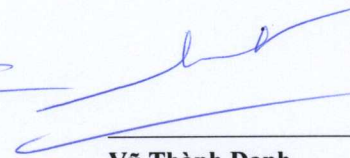
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-		
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3.750.000)		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	27.572.857.750	48.870.010.737		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, V.24	(42.137.517.026)	(32.261.118.722)		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.380.495.000)	-		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.945.154.276)	16.605.142.015		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.453.460.966	(2.735.526.123)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.166.428.330	6.901.954.453		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.619.889.296	4.166.428.330		

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2015


Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu


Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng




Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn.
- Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 493 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 518 nhân viên).
- Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Trong năm Công ty đã nhận cổ tức từ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn là 15.577.500.000 VND làm thu nhập hoạt động tài chính năm nay tăng mạnh so năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận chuyển	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng là 50 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Phương tiện vận tải

Phương tiện vận tải có nguyên giá dưới 30 triệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác được phân bổ theo thời gian sử dụng thực tế phí tra cứu văn bản pháp luật trực tuyến.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không có mức tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không có mức tối đa
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không có mức tối đa
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.083 VND/USD
31/12/2014 : 21.372 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



20. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	161.219.000	186.376.000
Tiền gửi ngân hàng	7.658.670.296	3.980.052.330
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	22.800.000.000	-
Cộng	<u>30.619.889.296</u>	<u>4.166.428.330</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn với số tiền là 7.658.670.296 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động khảo sát, thiết kế	98.352.616.678	127.042.235.617
Hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>98.352.616.678</u>	<u>127.042.235.617</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số dư khoản phải thu khách hàng với số tiền là 98.352.616.678 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho hoạt động kinh doanh	3.319.577.112	5.505.929.961
Trả trước hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>3.319.577.112</u>	<u>5.505.929.961</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	50.050.700	-
Phải thu lại của người lao động	2.000.000	89.500.000
Mott MacDonald Ltd., Co – Chi phí nhiên liệu chờ thu từ chủ đầu tư	197.899.768	-
Các đối tượng khác	37.746.203	37.722.919
Cộng	<u>287.696.671</u>	<u>127.222.919</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.621.929.167	8.078.418.475
Trích lập bổ sung	1.036.624.200	9.543.510.692
Xử lý nợ khó đòi	(3.838.261.683)	-
Số cuối năm	<u>14.820.291.684</u>	<u>17.621.929.167</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	484.935.680	606.813.981
Công cụ, dụng cụ tồn kho	28.052.481	27.130.643
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.080.252.856	11.767.257.743
Cộng	<u>14.593.241.017</u>	<u>12.401.202.367</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho người lao động để thực hiện các công trình.

9. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	184.144.863	184.144.863
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	138.611.000	506.106.834
Ban quản lý dự án Thủy điện 2	156.818.300	156.818.300
Cộng	<u>2.012.336.984</u>	<u>2.379.832.818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.104.595.287	7.837.767.082	10.750.893.874	942.087.710	29.635.343.953
Mua sắm mới trong năm	-	-	658.900.000	61.818.182	720.718.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31.000.000)	(32.480.000)	(63.480.000)
Số cuối năm	10.104.595.287	7.837.767.082	11.378.793.874	971.425.892	30.292.582.135

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	290.254.200	6.801.212.309	9.421.942.964	508.306.889	17.021.716.362
------------------------------------	-------------	---------------	---------------	-------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	3.274.051.404	7.410.670.353	10.064.746.682	716.096.156	21.465.564.595
Khấu hao trong năm	542.854.884	207.310.956	329.108.476	103.132.073	1.182.406.389
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31.000.000)	(32.480.000)	(63.480.000)
Số cuối năm	3.816.906.288	7.617.981.309	10.362.855.158	786.748.229	22.584.490.984

Giá trị còn lại

Số đầu năm	6.830.543.883	427.096.729	686.147.192	225.991.554	8.169.779.358
Số cuối năm	6.287.688.999	219.785.773	1.015.938.716	184.677.663	7.708.091.151

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2014 lần lượt là 9.621.242.560 VND và 6.229.443.208 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.16).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.107.552.255	18.665.015.255
Tăng trong năm	-	-	97.700.000	97.700.000
Số cuối năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.205.252.255	18.762.715.255

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.003.238.740	2.003.238.740
--	---	---	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.077.910.905	1.878.884.721	2.956.795.626
Khấu hao trong năm	-	199.504.800	217.436.025	416.940.825
Số cuối năm	-	1.277.415.705	2.096.320.746	3.373.736.451
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.385.595.095	228.667.534	15.708.219.629
Số cuối năm	7.093.957.000	8.186.090.295	108.931.509	15.388.978.804
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2014 lần lượt là 14.073.531.400 VND và 12.958.052.511 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.16).

12. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	10.385.000	103.850.000.000	10.241.612	102.416.118.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 103.850.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ.

Trong năm, Công ty đã đầu tư bổ sung thêm 1.433.882.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ vốn theo điều lệ.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội (*)	45.836	458.360.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội (*)	104.164	1.041.640.000	-	-
Cộng		2.550.000.000		2.550.000.000

(*) Ngày 25 tháng 05 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội đã ban hành Quyết định số 02/14/N&H/QĐ – ĐHĐCĐ, chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội thành 2 công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội với vốn điều lệ 25.924.410.000 VND trong đó số vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 458.360.000 VND chiếm tỷ lệ 1,77%.
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội với vốn điều lệ 121.075.590.000 VND trong đó số vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 1.041.640.000 VND chiếm tỷ lệ 0,86%.

Theo Quyết định số 144/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 4 năm 2014 Công ty sẽ thoái toàn bộ số vốn đã góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội, dự kiến đến năm 2015 sẽ hoàn tất thủ tục pháp lý.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí hoạt động trong năm	Số cuối năm
Phần mềm tin học	31.658.650	-	(20.975.234)	10.683.416
Chi phí công cụ, dụng cụ	568.174.854	793.058.826	(516.229.595)	845.004.085
Phương tiện vận tải có nguyên giá dưới 30 triệu	50.901.041	-	(21.988.932)	28.912.109
Chi phí khác	-	5.469.600	(817.810)	4.651.790
Cộng	650.734.545	798.528.426	(560.011.571)	889.251.400

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc tiền thuê nhà (Chi nhánh phía Nam)	-	75.000.000
Đặt cọc cài đặt điện thoại	-	5.000.000
Ký quỹ làm thẻ taxi MCC Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà	70.000.000	-
Cộng	80.000.000	90.000.000

16. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(a)	-	4.500.000.000
Vay của Cán bộ Công nhân viên ^(b)	3.183.499.000	13.229.680.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.766.900.000	-
Cộng	4.950.399.000	17.729.680.000

- ^(a) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hạn mức tín dụng (hạn mức 10.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Hình thức đảm bảo tiền vay:

- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại:
 - + 137 Thống Nhất, Phường Vạn Thắng – Nha Trang – Khánh Hòa
 - + 38 Lê Thành Phương, phường Phương Sài – Nha Trang – Khánh Hòa
 - + 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ - Nha Trang – Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và tại các Tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

(b) Khoản vay từ tiền lương của Cán bộ công nhân viên, thời hạn 9 tháng, khoản vay này không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Bù trừ công nợ	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	4.500.000.000	27.572.857.750	-	-	(32.072.857.750)	-
Vay của Cán bộ Công nhân viên	13.229.680.000	-	-	-	(10.046.181.000)	3.183.499.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	3.000.000.000	(1.233.100.000)	-	1.766.900.000
Cộng	17.729.680.000	27.572.857.750	3.000.000.000	1.233.100.000	(42.119.038.750)	4.950.399.000

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động kinh doanh	7.351.021.754	8.593.540.677
Phải trả về mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Cộng	7.351.021.754	8.593.540.677

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động khảo sát, thiết kế	27.804.540.735	16.259.635.907
Hoạt động khác	-	-
Cộng	27.804.540.735	16.259.635.907

19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.221.903.579	14.867.846.113	(13.447.198.851)	4.642.550.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(316.602.671)	1.906.249.354	(1.039.789.614)	549.857.069
Thuế thu nhập cá nhân	46.846.600	775.964.240	(719.473.390)	103.337.450
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	3.123.300	(3.123.300)	-
Các loại thuế khác	-	76.130.492	(76.130.492)	-
Cộng	2.952.147.508	17.629.313.499	(15.285.715.647)	5.295.745.360

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày tại chi tiêu Thuế và các khoản phải thu nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (xem thuyết minh số IV.16).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.242.243.028	7.042.114.304
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.577.473.238)	2.778.435.388
- Các khoản điều chỉnh tăng	26.762	2.778.435.388
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.577.500.000)	-
Thu nhập chịu thuế	8.664.769.790	9.820.549.692
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.906.249.354	2.455.137.423

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được xác định theo theo Quyết định số 105/TVĐ4-HĐQT ngày 14/03/2014 của Chủ tịch của Hội đồng Quản trị Công ty. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong năm như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

21. Chi phí phải trả

Chi phí khảo sát thiết kế các công trình.

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.576.587.087	2.917.615.657
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	2.100.000	2.100.000
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	14.148.588.197	8.484.468.424
- Chi phí lãi vay	809.054.197	49.752.424
- Lãi trái phiếu phải trả	8.434.716.000	8.434.716.000
- Cổ tức	5.223.922.000	-
- Bù trừ công nợ với Ban quản lý Dự án Thủy điện Sơn La, Hòa Bình	(319.104.000)	-
Tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhận của các cổ đông khác	2.640.030.000	2.690.970.000
Lãi trái phiếu phải trả	48.118.000	254.122.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	23.655.800	-
Các khoản khác	245.253.734	206.978.960
Cộng	19.684.332.818	14.556.255.041

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.108.534.174	-	15.000.000	(58.800.000)	4.064.734.174
Quỹ phúc lợi	2.350.239.788	-	-	(72.271.000)	2.277.968.788
Quỹ thưởng Ban điều hành	1.005.751.000	-	-	-	1.005.751.000
Cộng	7.464.524.962	-	15.000.000	(131.071.000)	7.348.453.962

24. Vay và nợ dài hạn

Vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo hợp đồng cho vay lại số 01/2008/EVN/TCKT-CPXDDDD4 ngày 15/02/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHDD01-2008/EVN – TVDD4 ngày 31/12/2011, số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 9 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng biên 3%. Trả nợ gốc từ năm 2014 và kết thúc vào năm 2016.
- Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) từ nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới theo hợp đồng cho vay lại số 02/EVN-TV4/TCKT ngày 31/12/2011 và Quyết định số 1556/QĐ-EVN ngày 07/11/2008, số 211/QĐ-EVN-TCCB&ĐT ngày 30/01/2008 và số 3250/EVN-TCCB&ĐT ngày 04/07/2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cho Công ty vay lại từ nguồn vốn vay WB (dự án VN-3680) để chi trả chi phí đào tạo.

Thời gian cho vay lại : 14 năm, trả nợ gốc và lãi vào ngày 15/06 và 15/12 (kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 15/12/2012 và ngày kết thúc trả nợ là ngày 15/12/2022).

Lãi suất cho vay lại : 5,6%/năm.

Phí cho vay lại : 0,2%.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.395.547.182	-	7.000.000.000	395.547.182
Cộng	7.395.547.182	-	7.000.000.000	395.547.182

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.332.610.498	35.961.898.483
Vay đã trả trong năm	(18.478.276)	(36.956.722)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(3.000.000.000)	-
Chuyển đổi thành cổ phiếu		(25.508.500.000)
Giảm nợ gốc vay do tập đoàn xác định lại tỷ giá nhận nợ		(83.831.263)
Chênh lệch do đánh giá lại số dư cuối năm	81.414.960	-
Số dư cuối năm	7.395.547.182	10.332.610.498

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56	104.478.440.000	71,56
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44	41.517.700.000	28,44
Cộng	145.996.140.000	100,00	145.996.140.000	100,00

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu được mua lại	64.523	64.523
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.535.091	14.535.091

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	40.412.791.367	34.964.083.180
Doanh thu hoạt động thiết kế	80.133.993.766	70.194.073.029
Cộng	120.546.785.133	105.158.156.209

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	33.032.418.163	21.156.712.650
Giá vốn hoạt động thiết kế	55.218.093.971	45.258.009.756
Cộng	88.250.512.134	66.414.722.406

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	54.645.833	113.444.446
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.505.435	40.167.855
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.472.234	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.122.332	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	15.577.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.084.869
Cộng	15.714.245.834	157.697.170

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	849.232.116	4.277.775.599
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.408.299
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.105.686	449.535.498
Cộng	<u>908.337.802</u>	<u>4.735.719.396</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.958.991.405	7.490.201.029
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	502.149.053	361.176.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.628.750	96.383.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.816.176	1.011.755.633
Chi phí khác	10.671.894.855	18.429.397.123
Cộng	<u>23.072.480.239</u>	<u>27.388.913.790</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi hoàn chi phí đào tạo	191.942.000	335.230.000
Thu thanh lý tài sản	8.454.545	-
Thu thanh lý vật tư	14.179.091	-
Thu nhập khác	4.132.000	358.500
Cộng	<u>218.707.636</u>	<u>335.588.500</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	6.138.638	33.654.595
Nộp phạt thuế	26.762	23.517.388
Cộng	<u>6.165.400</u>	<u>57.171.983</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.335.993.674	4.586.976.881
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.335.993.674	4.586.976.881
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.535.091	10.354.947
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.537</u>	<u>443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.535.091	9.140.455
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(170)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi ngày 4 tháng 12 năm 2012	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi ngày 29 tháng 11 năm 2013	-	319.465
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận trong năm 2012	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận trong năm 2013	-	895.197
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>14.535.091</u>	<u>10.354.947</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.004.273.530	4.991.568.103
Chi phí nhân công	64.464.655.330	43.997.496.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.599.347.214	1.853.335.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.670.509.471	20.266.907.254
Chi phí khác	19.897.201.941	27.687.350.648
Cộng	<u>113.635.987.486</u>	<u>98.796.657.868</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh toán nợ gốc vay dài hạn thông qua bù trừ công nợ với EVN	1.233.100.000	-
Đầu tư vào công ty khác thông qua bù trừ công nợ	-	3.847.094.986
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	-	25.508.500.000
Cộng	<u>1.233.100.000</u>	<u>29.355.594.986</u>

VIII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

- Công ty nhận ủy quyền của các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (là người lao động của Công ty) trong việc góp vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, số tiền đã nhận của các cổ đông còn lại là 2.640.030.000VND (xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “*thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn*”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:
 - + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
 - + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2014, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2014 là 476.000.000 VND, năm 2013 là 468.800.000 VND.
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm 2014 là 1.707.266.986 VND (năm 2013 là 1.824.014.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Công ty mẹ, sở hữu 71,56% cổ phần (xem thuyết minh V.25)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trong năm giữa Công ty và các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		
Doanh thu khảo sát thiết kế	1.121.000.000	-
Thanh toán nợ gốc vay	18.478.276	36.956.722
Chi phí lãi vay phải trả năm nay	759.301.773	1.342.240.815
Lãi trái phiếu phải trả	-	2.811.576.000
Tăng vốn góp của EVN do phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm trước	-	11.834.550.000
Tăng vốn góp của EVN do chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	-	33.471.140.000
Phí tư vấn đầu nối cụm Nhà máy điện Nam Trung Bộ vào hệ thống điện Quốc Gia	-	1.248.454.545
Bù trừ công nợ với chi phí lãi vay phải trả	319.104.000	1.373.300.000
Bù trừ công nợ với nợ dài hạn đến hạn trả	1.233.100.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Phí khảo sát dự án ĐT ĐZ 500kV PleiKu – Mỹ Phước - Cầu Bông	-	-
Phí khảo sát nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	-	-
Điều chỉnh giảm doanh thu khảo sát nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận	-	344.564.431
Cản trừ công nợ	308.947.889	3.369.294.048
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Góp vốn điều lệ	1.433.882.000	15.168.669.000
Cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế	1.448.486.591	3.497.359.078

Trong năm nay và năm trước, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1.

Tại ngày cuối năm, công nợ phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	858.582.333	858.582.333
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	141.066.154	141.066.154
Cộng nợ phải thu	999.648.487	999.648.487
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	23.311.035.379	18.817.078.922
<i>Phải trả nợ gốc vay (xem thuyết minh số V.16, V.22)</i>	<i>9.162.447.182</i>	<i>10.332.610.498</i>
<i>Phải trả lãi vay (xem thuyết minh số V.22)</i>	<i>809.054.197</i>	<i>49.752.424</i>
<i>Phải trả lãi trái phiếu (xem thuyết minh số V.22)</i>	<i>8.434.716.000</i>	<i>8.434.716.000</i>
<i>Phải trả cổ tức (xem thuyết minh số V.22)</i>	<i>5.223.922.000</i>	-
<i>Bù trừ công nợ (xem thuyết minh số V.22)</i>	<i>(319.104.000)</i>	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	356.235.528
+ <i>Phải trả về dịch vụ tư vấn khảo sát</i>	-	308.947.889
+ <i>Ứng trước cho dịch vụ tư vấn khảo sát</i>	-	47.287.639
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	485.201.850	2.316.365.909
Cộng nợ phải trả	24.779.782.229	22.473.225.359

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các nhân viên vay tiền. Các cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.619.889.296	4.166.428.330
Phải thu khách hàng	85.544.661.978	111.800.139.268
Các khoản phải thu khác	2.147.587.718	1.779.977.073
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.550.000.000	2.550.000.000
Cộng	<u>120.862.138.992</u>	<u>120.296.544.671</u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.619.889.296	-	30.619.889.296
Phải thu khách hàng	64.888.972.865	35.475.980.797	100.364.953.662
Các khoản phải thu khác	287.696.671	-	287.696.671
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Cộng	98.346.558.832	35.475.980.797	133.822.539.629
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.166.428.330	-	4.166.428.330
Phải thu khách hàng	90.134.460.390	39.287.608.045	129.422.068.435
Các khoản phải thu khác	1.779.977.073	-	1.779.977.073
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Cộng	98.630.865.793	39.287.608.045	137.918.473.838

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	7.351.021.754	-	-	7.351.021.754
Vay và nợ	14.242.287.197	7.000.000.000	395.547.182	21.637.834.379
Các khoản phải trả khác	17.950.505.731	-	-	17.950.505.731
Cộng	39.543.814.682	7.000.000.000	395.547.182	46.939.361.864
Số đầu năm				
Phải trả người bán	8.593.540.677	-	-	8.593.540.677
Vay và nợ	26.468.270.424	10.000.000.000	332.630.090	36.800.880.922
Các khoản phải trả khác	20.338.393.384	-	-	20.338.393.384
Cộng	55.400.204.485	10.000.000.000	332.630.090	65.732.814.983

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn với số tiền là 7.658.670.296 VND và khoản phải thu khách hàng với số tiền là 98.352.616.678 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.619.889.296	-	4.166.428.330	-	30.619.889.296	4.166.428.330
Phải thu khách hàng	100.364.953.662	(14.820.291.684)	129.422.068.435	(17.621.929.167)	85.544.661.978	111.800.139.268
Các khoản phải thu khác	2.147.587.718	-	1.779.977.073	-	2.147.587.718	1.779.977.073
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000
Cộng	135.682.430.676	(14.820.291.684)	137.918.473.838	(17.621.929.167)	120.862.138.992	120.296.544.671

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	7.351.021.754	8.593.540.677	7.351.021.754
Vay và nợ	12.345.946.182	28.062.290.498	12.345.946.182	28.062.290.498
Các khoản phải trả khác	27.242.393.928	29.076.983.808	27.242.393.928	29.076.983.808
Cộng	46.939.361.864	65.732.814.983	46.939.361.864	65.732.814.983

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

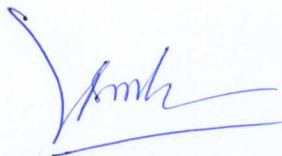
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Trần Lê Thanh Bình
Người lập



Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

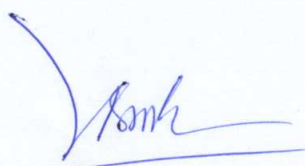
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu


Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	91.404.550.000	(4.853.630.000)	(742.100.060)	20.166.292.154	6.586.968.453	1.317.393.690	20.215.058.855	134.094.533.092
Tăng vốn từ lợi nhuận	18.152.610.000	-	-	-	-	-	-	18.152.610.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(18.152.610.000)	(18.152.610.000)
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	36.438.980.000	(10.930.480.000)	-	-	-	-	-	25.508.500.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(3.750.000)	-	-	-	-	(3.750.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.586.976.881	4.586.976.881
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	404.301.177	(1.915.054.120)	(1.510.752.943)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(4.000)	(4.000)
Số dư cuối năm trước	145.996.140.000	(15.784.110.000)	(745.850.060)	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	4.734.367.616	162.675.503.030
Số dư đầu năm nay	145.996.140.000	(15.784.110.000)	(745.850.060)	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	4.734.367.616	162.675.503.030
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	22.335.993.674	22.335.993.674
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.360.527.300)	(4.360.527.300)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(7.267.545.500)	(7.267.545.500)
Số dư cuối năm	145.996.140.000	(15.784.110.000)	(745.850.060)	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	15.442.288.490	173.383.423.904



Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2015


 Trần Lê Thanh Bình
 Người lập biểu


 Vũ Thành Danh
 Kế toán trưởng


 Phạm Minh Sơn
 Tổng Giám đốc